

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2023

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thu
2. Ông Thái Cao Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 02/2023/HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1971

Địa chỉ: 26 Hải Thượng Lãn Ông, tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện C, Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1968

Địa chỉ: 26 Hải Thượng Lãn Ông, tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện C, Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/11/2022, bản tự khai ngày 02/12/2022, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D trình bày:*

Tôi và ông Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 1990 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Cam Ranh (nay là huyện C) tỉnh Khánh Hòa ngày 27/7/2004. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp, thường xuyên

kinh cãi, ông L không tôn trọng tôi, ông L đi sớm về khuya còn có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010, tuy sống chung một nhà nhưng không còn yêu thương, quan tâm. Nay vợ chồng không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 14/7/1994 và Trần Anh K, sinh ngày 24/9/1998, hai cháu khỏe mạnh, bình thường, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Hai con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn, nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2022, bị đơn ông Trần Văn L trình bày:*

Tôi và bà Lê Thị Thùy D tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 1990 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Cam Ranh (nay là huyện C) tỉnh Khánh Hòa ngày 27/7/2004. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, tôi nghi ngờ bà D có mối quan hệ bên ngoài với người đàn ông khác, thường xuyên lén lút nói chuyện điện thoại với người khác, nên dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, bất đồng quan điểm, thường xuyên kinh cãi, vợ chồng đã hòa giải nhưng vẫn không thể chung sống với nhau được nữa, đã sống ly thân, không còn ai quan tâm chăm sóc cho nhau, vì theo đạo công giáo trong giao ước hôn nhân thì vĩnh viễn không thể ly hôn nên tôi không đồng ý ly hôn bà D.

+ Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 14/7/1994 và Trần Anh K, sinh ngày 24/9/1998, hai cháu khỏe mạnh, bình thường, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về chia tài sản khi ly hôn, nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D cung cấp:*

Đơn khởi kiện; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh con; bản sao căn cước công dân, bản tự khai.

- *Tài liệu, chứng cứ của bị đơn Trần Văn L đã nộp Tòa án:* bản phô tô căn cước công dân.

- *Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:* Biên bản lấy lời khai của ông Trần Văn L.

** Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên ý kiến của mình đã trình bày.*

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:*

Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án, xét xử tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bà D được ly hôn ông L; đương sự không yêu cầu

giải quyết về con chung, tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; bà D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D, bị đơn ông Trần Văn L – đều trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện C, Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy D và ông Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau năm 1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Cam Ranh (nay là thị trấn Đ, huyện C) tỉnh Khánh Hòa ngày 27/7/2004 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà D và ông L đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã; tuy còn ở chung trong nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, không có hạnh phúc.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Lê Thị Thùy D yêu cầu ly hôn ông Trần Văn L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị Thùy D và ông Trần Văn L có hai con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 14/7/1994 và Trần Anh K, sinh ngày 24/9/1998, hai cháu khỏe mạnh, bình thường, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Con chung đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thùy D và ông Trần Văn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bà Lê Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” là 300.000 đồng .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy D được ly hôn ông Trần Văn L.
2. Về con chung: Con chung đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bà Lê Thị Thùy D và ông Trần Văn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.
4. Về án phí: Bà Lê Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0009405 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND thị trấn D;
- Đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng